

QUỐC HỘI KHÓA I - CƠ QUAN QUYỀN LỰC DÂN TỘC CAO NHẤT ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

LÊ MẬU HÂN

Đại học KHXH và NV - DHQG Hà Nội

I. "Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền ... phải giải quyết hai vấn đề phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp "dân tộc giải phóng", vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng". "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử tồn vong của quốc gia, dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được". "Sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ, chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc". Chính phủ ấy do quốc gia đại hội tự ra" [1]. Đây là quyết định của Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng họp ở Pắc Bó, Hà Quảng, Cao Bằng tháng 5 năm 1941. Sự "thay đổi chiến lược" [2] cách mạng tư sản dân quyền, hay nói một cách khác là sự điều chỉnh chiến lược cách mạng của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 của Đảng là một chiến lược cách mạng sáng tạo phù hợp với thực tiễn của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam, đi đúng quỹ đạo tư tưởng cách mạng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - tư tưởng cách mạng thuộc địa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong dòng sáng tạo cách mạng của thời đại. Người đã suy nghĩ, tìm tòi nghiên cứu để bổ sung những điều mà các bậc thầy học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học do những hạn chế lịch sử, chưa nói được đầy đủ.

Tư tưởng, học thuyết chính trị, đường lối cách mạng của Hồ Chí Minh được xây dựng trên cơ sở triết lý lịch sử phương Đông và thực tiễn đất nước, con người và xã hội Việt Nam. Người đã sáng suốt trong việc vận dụng lý luận đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc vào điều kiện phương Đông. Người cho rằng cuộc đấu tranh giai cấp cũng đã diễn ra ở các nước phương Đông song không quyết liệt như ở phương Tây tư bản chủ nghĩa. Lý luận về đấu tranh giai cấp của Mác vẫn đúng ở các nước này. Song như Hồ Chí Minh khẳng định: "Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại ... Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông" [3]. Đó chính là nhiệm vụ của các nhà cách mạng

phương Đông phải đảm nhiệm.

Lịch sử tiến hóa xã hội của Việt Nam, sự thống trị áp bức dân tộc của chủ nghĩa thực dân đã làm cho chủ nghĩa dân tộc truyền thống Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn. Hồ Chí Minh nói rõ: "Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước" [4]. "Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ là một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời" [5]. Người ta sẽ không làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ [6].

Vì thế Đảng và Hồ Chí Minh đã gương cao ngọn cờ dân tộc, vì quyền lợi sinh tồn mà bắt tay đoàn kết giữa công nông với tiểu tư sản, tư sản bản xứ và các tầng lớp trung tiểu địa chủ có ít nhiều tinh thần chống đế quốc. Phải thực hiện một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết, làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân và phải tổ chức một Mặt trận dân tộc thống nhất với nội dung và tên gọi có sức hiệu triệu tha thiết, có thể thực hiện lúc bấy giờ - đó là Việt nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh.

Tư tưởng, đường lối cứu nước của Hồ Chí Minh cũng là cơ sở để tiếp thu và kết hợp sáng tạo các giá trị tư tưởng và hình thức tổ chức các cơ quan quyền lực của các quốc gia trên thế giới nhằm xác định một hình thức tổ chức cơ quan quyền lực nhà nước, thiết lập chế độ cộng hòa dân chủ, một nhà nước hiến chính, nhà nước pháp quyền dân tộc của dân, do dân và vì dân, mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam.

Hồ Chí Minh sớm nhận thức tầm quan trọng của tư tưởng nhà nước pháp quyền. Năm 1919, trong bản yêu sách 8 điểm rất khiêm tốn gửi đến hòa hội Versailles, Hồ Chí Minh đã nêu yêu sách "cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được hưởng những đảm bảo về mặt pháp lý như người châu Âu" và "phải thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật" [7]. Đây là những biểu hiện đầu tiên về tư tưởng nhà nước pháp quyền của Hồ Chí Minh, tư tưởng quản lý đất nước bằng pháp luật như cách nói của người trong bài *Việt Nam yêu cầu ca*: "trăm điều phải có thần linh pháp quyền" [8].

Hồ Chí Minh đã coi trọng nghiên cứu, lựa chọn tiếp thu sáng tạo các khuynh hướng tư tưởng hiến chính và các hình thức tổ chức quyền lực chính trị để tạo dựng cho Việt Nam một cơ quan quyền lực của nhân dân nhằm thực thi trong thực tiễn tư tưởng của Người là Tự do cho đồng bào, Độc lập cho Tổ quốc.

Hồ Chí Minh đã nêu cao giá trị tư tưởng của bản Tuyên ngôn độc lập Mỹ Thomas Jefferson soạn thảo được Đại hội Lục địa thông qua tháng 7 năm 1776, và tư tưởng tự do bình đẳng của Tuyên ngôn dân quyền và nhân quyền Pháp được công bố năm 1789.

Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê Nin, nghiên cứu kinh nghiệm của Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917. Người đã so sánh các thể chế cộng hòa ở Mỹ, ở Pháp với chế độ Xô viết Nga, một chế độ dân chủ kiểu mới, thực sự đem lại sự tự do bình đẳng, đem lại quyền quản lý nhà nước cho đông đảo quần chúng. Từ đó Người đi theo định hướng thiết lập thể chế quyền lực của nhân dân, của dân tộc vì mục tiêu độc lập, tự do.

Năm 1941, như đã nêu ở trên, với chủ trương nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc, thống nhất toàn lực dân tộc trong Mặt trận Việt Minh để đánh Pháp đuổi Nhật và dựng nên một chính phủ dân chủ cộng hòa. Chính phủ đó phải được nhân dân ủng hộ thuận và lập nên thông qua một đại hội quốc dân để bầu ra.

Tháng 10 năm 1944, chiến tranh thế giới sắp đi vào kết thúc. Cơ hội giải phóng cho dân tộc ta - theo dự báo của Hồ Chí Minh - chỉ ở vào một năm hay một năm rưỡi nữa thôi. Thời giờ rất gấp. Vì vậy Người đã gửi thư thông báo cho các đảng phái ra sức chuẩn bị, cùng nhau thảo luận đề lập ra "một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể cứu quốc trong nước bầu ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang" [9].

Chủ trương sáng tạo của Hồ Chí Minh về triệu tập Quốc dân đại hội đã được thảo luận và nhất trí trong nhiều hội nghị của Đảng và đoàn thể ái quốc.

Cao trào kháng Nhật đã cuộn cuộn dâng cao trong toàn quốc với nội dung và hình thức vô cùng phong phú. Khu giải phóng được thành lập. Thời cơ ngàn năm có một cho dân tộc ta vùng dậy giành lại quyền làm chủ đất nước đang đến gần. Song nguy cơ can thiệp và xâm lược mới của các thế lực đế quốc hòng đặt dân tộc ta dưới một ách đô hộ mới cũng đang xuất hiện. Tinh thần vô cùng khẩn cấp, Hồ Chí Minh chỉ thị: "Cuộc toàn quốc đại biểu đại hội phải khai hội chậm nhất là vào trung tuần tháng bảy". Người đã từng cân nhắc giá trị của thời gian, của mỗi ngày, mỗi giờ trong lúc đại chuyển biến. Lúc bấy giờ, chậm một tí tức là bỏ nhiều cơ hội thuận lợi.

Giữa tháng 8 năm 1945, Nhật đầu hàng đồng minh. Quân Nhật ở Đông Dương như rắn mất đầu đã bị tê liệt. Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang tan rã. Quân Đồng minh sắp kéo vào Đông Dương. Thực dân Pháp ráo riết quay trở lại.

Không thể chậm trễ. Ngày 16-8-1945, Đại hội đại biểu quốc dân đã khai mạc tại Tân Trào. Đại hội đã nhất trí:

1. Tấn thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, phát động toàn dân nổi dậy giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và chính phủ Trần Trọng Kim, đứng địa vị làm chủ đất nước để đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật.

2. Thông qua 10 chính sách lớn, trong đó điều đầu tiên là phải giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập.

3. Lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, Trần Huy Liệu làm phó chủ tịch và 13 thành viên khác.

Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam cũng như Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam trước khi thành lập Chính phủ chính thức. Ủy ban này thay mặt quốc dân mà giao thiệp với các nước ngoài và chủ trì công việc trong nước.

Ngay sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh - Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng đã có thư kêu gọi đồng bào cả nước: "Hãy đứng dậy đem sức ta mà giải phóng cho ta, chúng ta không thể chậm trễ" [10]. Người cũng đã gửi thư yêu cầu Liên hiệp quốc phải thực hiện lời hứa long trọng về quyền được hưởng dân chủ và độc lập của các dân tộc và thông điệp gửi Chính phủ Pháp, yêu cầu Chính phủ Pháp công nhận Chính phủ Việt minh và các điều kiện về quan hệ giữa Việt Nam với Pháp. Đồng thời, Người cũng nhân danh Ủy ban dân tộc giải phóng gửi thông điệp cho các nước đồng minh.

Quốc dân đại hội Tân Trào đã diễn ra khẩn trương và thắng lợi trong đêm trước của cuộc

vận động Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Thắng lợi của Quốc dân đại hội Tân Trào là một biểu hiện sáng tạo của Hồ Chí Minh, của Đảng ta trong việc vận dụng, phát triển và thực hiện từng bước tư tưởng dân quyền ngay trong tiến trình đấu tranh giành độc lập tự do bằng hình thức tổ chức đại hội đại biểu quốc dân để thông qua quyết sách chuyển xoay vận nước bằng phương thức tổng khởi nghĩa, xóa bỏ ách nô dịch của chủ nghĩa thực dân, thi hành 10 chính sách lớn của Việt minh về đối nội và đối ngoại, bầu cơ quan điều hành đất nước cao nhất, đặt cơ sở pháp lý cách mạng cho chế độ mới - chế độ dân chủ cộng hòa.

L. A. Patti, một sĩ quan tình báo Mỹ có nhận xét rằng, khi biết tin sự sụp đổ của Nhật, Hồ Chí Minh đã hành động một cách kiên quyết và nhanh chóng vì ông phải bảo đảm chiếm được một chỗ đứng chân vững chắc ở ... Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Ông Hồ biết rằng Ông phải làm gì cho mọi người thấy rõ được cả tính hợp pháp lẫn sức mạnh để giữ vững vai trò lãnh đạo và phát triển phong trào (tôi nhấn mạnh L. M. H [11]).

Đại hội quốc dân Tân Trào "Là một tiến bộ lớn trong lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay" [12]. Đại hội đó mang tầm vóc lịch sử của một Quốc hội của nước Việt Nam mới, một cơ quan quyền lực lâm thời cao nhất đại diện của dân, do dân và vì dân.

II. Cách mạng Tháng Tám thành công. Ủy ban dân tộc được cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đó là một chính phủ quốc gia thống nhất, giữ trọng trách là chỉ đạo toàn thể, đợi ngày triệu tập Quốc hội để cử ra một chính phủ cộng hòa chính thức.

Ngày 8-9-1945, Hồ Chí Minh - Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra sắc lệnh số 14/SL về việc mở cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội, cơ quan quyền lực tối cao để ấn định cho nước Việt Nam một Hiến pháp dân chủ cộng hòa. Một ủy ban khởi thảo hiến pháp gồm 7 người do Hồ Chí Minh đứng đầu.

Thực hiện sắc lệnh số 14/SL, ngày 6-1-1946, Tổng tuyển cử đầu tiên của nhân dân Việt Nam đã diễn ra trong toàn quốc để bầu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Quốc hội đã thành lập Chính phủ chính thức, đã ấn định cho Việt Nam một hiến pháp dân chủ cộng hòa - hiến pháp năm 1946.

Thắng lợi Tổng tuyển cử đánh dấu một bước trưởng thành của nhà nước cách mạng Việt Nam, mở ra triển vọng của một thời kỳ mới, thời kỳ đất nước ta có một quốc hội, một chính phủ thống nhất, một bản hiến pháp tiến bộ và một hệ thống chính quyền hoàn toàn đầy đủ danh nghĩa về mặt pháp lý để đại diện cho nhân dân Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có tính chất hợp pháp, dân chủ - Nhà nước của dân, do dân và vì dân, được quốc dân giao phó trọng trách điều hành đất nước, tổ chức toàn dân kháng chiến và kiến quốc, giải quyết mọi quan hệ của Việt Nam trên trường quốc tế [13].

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử tháng 1 năm 1946 đánh dấu một bước phát triển nhảy vọt về thể chế dân chủ của nước Việt Nam.

Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (khóa I) vừa là thành quả vừa là yêu cầu khách quan bức thiết của cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam.

Quốc hội ra đời trong khói lửa của cuộc đấu tranh dân tộc gay gắt. Đó là quốc hội lập

quốc, Quốc hội nước Việt Nam theo thể chế cộng hòa.

Quốc hội đã hội tụ đại biểu của cả 3 miền đất nước Bắc, Trung, Nam, của các đảng phái dân chủ cách mạng (Đảng Cộng sản, Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội), các đoàn thể nhân dân, các giai cấp và tầng lớp nhân dân, các dân tộc thiểu số, các tôn giáo, các nhân sĩ yêu nước, kể cả một số người vốn là quan lại cũ và cựu hoàng Bảo Đại. Đây là một quốc hội đại đoàn kết thống nhất dân tộc dưới ngọn cờ Độc lập, Tự do của Hồ Chí Minh.

Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, cơ quan lập hiến và lập pháp, đã chịu trách nhiệm giải quyết mọi vấn đề chung của toàn quốc theo điều 23 của Hiến pháp quy định. Trong hơn 14 năm hoạt động, trong đó thời gian đất nước có chiến tranh là 9 năm, Quốc hội đã thực hiện trọng trách của sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, trong nhiệm vụ hàng đầu bao trùm là kháng chiến, giành lại độc lập, tự do. Tất cả cho tiền tuyến, cho kháng chiến thắng lợi. Tất cả vì thống nhất Tổ quốc. Quốc hội đã hết lòng vì dân, vì nước, vì dân tộc và dân chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xét từ cơ sở tư tưởng, đường lối, hoàn cảnh ra đời, cơ cấu thành phần đến thực tiễn chính trị, Quốc hội khóa I là cơ quan quyền lực dân tộc cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Quốc hội đại đoàn kết, độc lập dân tộc và thống nhất tổ quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất là nhà kiến tạo Quốc dân đại hội và Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Người là linh hồn của cách mạng và kháng chiến, là trung tâm đoàn kết dân tộc, đoàn kết Quốc hội, hướng Quốc hội vào những quyết sách lớn, đưa sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi vẻ vang.

Ngọn cờ độc lập tự do của Hồ Chí Minh là mục tiêu đấu tranh, là động lực, là sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của Quốc hội, của nhân dân Việt Nam.

"Truyền thống yêu nước, cách mạng và những kinh nghiệm hoạt động của Quốc hội khóa I dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh đang tiếp tục khơi nguồn sáng tạo và soi sáng con đường cho Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vươn lên tầm cao mới trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền mang đậm bản sắc Việt Nam và dấu ấn của thời đại" [14].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đảng 1930 -1945, tập III, BNCLSĐTW, Hà Nội, 1977, Tr. 203, 196, 197, 202.
- 3.4.5.6. Hồ Chí Minh toàn tập, tập I, Sự thật, Hà Nội, 1995, Tr. 456, 466, 467.
7. Hồ Chí Minh toàn tập, tập I, NXB CTQG, Hà Nội, 1995, Tr. 435, 436.
8. Hồ Chí Minh, Sđd. Tr.438.
9. Hồ Chí Minh toàn tập, tập III, NXB CTQG, Hà Nội, 1995, Tr.505.
10. Hồ Chí Minh toàn tập, tập III, NXB CTQG, Hà Nội, 1995, Tr. 554.
11. Archimedes L. A. Patti - Tại sao Việt Nam, NXB Đà Nẵng, 1995, Tr. 146.
12. Hồ Chí Minh toàn tập, tập III, NXB CTQG, Tr. 553.
13. Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946 - 1960, NXB CTQG, Hà Nội, 1994, Tr. 54, 55.
14. Nông Đức Mạnh - Xem lời giới thiệu-Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946 - 1960, NXB CTQG, Hà Nội, 1994, Tr. 7.

THE FIRST - LEGISLATION NATIONAL ASSEMBLY: THE FIRST NATIONAL SUPREME BODY OF THE DEMOCRATIC REPUBLIC OF VIETNAM

LE MAU HAN

College of Social Sciences and Humanities - VNU

In the course of leading the nation-wide struggle for independence and freedom, the Communist Party of Vietnam and Ho Chi Minh established the ideological foundation for a people's state in accordance with the country. The National Congress in Tan Trao and the First Legislation National Assembly were an experiment of that political ideology. The Assembly was the first national supreme body of the Democratic Republic of Vietnam.